



jù xíng
巨型

b · giant; enormous

Example Sentence

kuài kàn kàn tái shàng yǒu rén jǔ zhe wǒ men zhī chí de qiú duì de jù xíng héng fú
快看，看台上有人举着我们支持的球队的巨型横幅！

Look! Someone in the grandstand is holding a giant banner for the team we support!

Trace each character, then write the word on your own.

巨	巨	巨	巨	巨	巨	巨								
型	型	型	型	型	型	型	型	型	型	型	型			
型														